

NGND TRỊNH TRÚC LÂM  
GS – TS KH NGUYỄN VĂN HỘ

# ỨNG XỬ SỰ PHẠM

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

## LỜI NÓI ĐẦU

*Để nâng cao năng lực sư phạm cho giáo viên, việc đi sâu tìm hiểu những tri thức sư phạm là rất cần thiết, đặc biệt là hệ thống những tri thức và kỹ năng giao tiếp sư phạm trong hoạt động thường nhật của người giáo viên. Ở nước ta đã không ít các tác giả đề cập tới vấn đề này, từ các sách giáo khoa giảng dạy ở các bậc học<sup>(1)</sup> cho đến sách chuyên khảo và cả những cuốn sách mang tính ứng dụng trong các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp khác nhau<sup>(2)</sup>.*

*Tuy nhiên, do tính chất đặc biệt đa dạng và tế nhị trong hoạt động giao tiếp, mỗi cuốn sách vẫn chỉ bao gồm một phần nhỏ trong tri thức và các kỹ năng có liên quan tới vấn đề. Cho dù như vậy, song trong thực tế, mỗi cuốn sách đã bổ sung thêm khả năng tư duy sư phạm, tạo ra nhiều cơ sở khoa học cho các hoạt động thực tiễn của người làm công tác giáo dục. Với ý nghĩa đó của sự tìm kiếm, chúng tôi cũng cố gắng đưa ra một hệ thống kiến thức sư phạm về một bộ phận của hoạt động giao tiếp giữa chủ thể (giáo viên) với một chủ thể khác (học sinh) trong quá trình giải quyết các tình huống sư phạm, đó là hoạt động ứng xử. Những vấn đề mà chúng tôi đề cập tới trong cuốn sách sẽ không đi sâu tìm hiểu các cơ sở triết học, tâm lý học hoạt động ứng xử mà chủ yếu sẽ tập trung làm sáng tỏ bản chất của ứng xử trong giao tiếp giữa thầy và trò theo quan điểm hoạt động và giáo dục, đồng thời cũng chỉ ra một số khó khăn mà giáo viên thường gặp phải khi giải quyết các tình huống sư phạm trong hoạt động ứng xử. Do giới hạn về kinh nghiệm, chúng tôi chỉ đề cập tới ứng xử sư phạm trong nhà trường PTTH, giữa thầy và trò trong hoạt động giáo dục và giáo dưỡng ở trường học.*

*Chắc chắn trong quá trình biên soạn cuốn sách, chúng tôi không tránh khỏi những khiếm khuyết về nội dung và hình thể tập thể tác giả chúng tôi mong được các bạn đọc và đồng nghiệp góp ý chúng tôi xin chân thành cảm ơn.*

**PGS - TSKH Nguyễn Văn Hộ**

**NGND PGS - TSKH Trịnh Trúc Lâm**

---

(1) *Giao tiếp sư phạm*. PGS.PTS Ngô Công Hoàn - PGS. PTS Hoàng Anh (Giáo trình đào tạo giáo viên THCS Hệ CĐSP). NXB GD - 1998.

(2) *Giao tiếp và ứng xử sư phạm*. Ngô Công Hoàn (dùng cho GV mầm non). ĐHS - ĐHQG Hà Nội - 1997; *Tâm lý học ứng xử* Lê Thị Bằng - Hải Vang, NXB GD - 1997.

*Phần I:*  
**GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ**

## I. KHÁI NIỆM VỀ GIAO TIẾP

Trong cuộc sống, con người có nhiều nhu cầu hoạt động để tồn tại và phát triển. Có những nhu cầu mang tính sinh tồn như ăn, ở, sinh nở.v.v... song có những nhu cầu vượt ra khỏi tính bản năng của động vật đó là nhu cầu giao tiếp. Đành rằng ở động vật cao cấp, hành động giao tiếp vẫn tồn tại (như cầu sống với cha mẹ, bầy đàn), song chất lượng giao tiếp và phạm vi giao tiếp thì không một loài động vật nào có thể so sánh với con người. Để có được sự khác biệt này trong giao tiếp người khi so sánh với động vật là nhờ vào kết quả của sự phát triển xã hội. Con người trong quá trình hoàn thiện mình, một mặt phải thích ứng dần với tính đa dạng, phong phú và phức tạp của tự nhiên, mặt khác để có thể tồn tại và phát triển, phải có sự liên kết giữa các cá thể theo những chuẩn mực nhất định, chính trong quá trình liên kết này đã tạo nên tính xã hội của con người. Do đó có thể nói, cùng với lao động, hoạt động giao tiếp được coi là một trong những đặc trưng nổi bật, cơ bản tạo nên tính người, phản ánh bản chất của con người, vừa như là phương thức liên kết giữa con người với con người, giữa con người với tự nhiên, vừa như là kết quả của sự phát triển thế giới vật chất và của các mối quan hệ xã hội. Với ý nghĩa như vậy, hoạt động giao tiếp là nhu cầu tất yếu của mỗi người và toàn thể xã hội. Thông qua hoạt động giao tiếp mỗi cá nhân biểu hiện mình như một chủ thể, bộc lộ tính cách, kinh nghiệm sống và rộng hơn là cả nhân cách của một chủ thể.

Hoạt động giao tiếp mang tính xã hội - lịch sử. Nếu con người là một sản phẩm của sự phát triển lịch sử - xã hội thì theo đó, hoạt động giao tiếp của mỗi cá nhân cũng mang tính lịch sử cụ thể. Mỗi giai đoạn phát triển lịch sử được đặc trưng bởi các phương thức sản xuất nhất định, trong đó tồn tại những quan hệ sản xuất (mối quan hệ giữa con người với con người đối với sự chiếm đoạt, sở hữu, phân phối và sử dụng những cơ sở vật chất về tự nhiên và sản phẩm hoạt động) bên cạnh lực lượng sản xuất.

Mỗi cá nhân, tùy thuộc vào vị trí của mình trong xã hội, chịu sự ràng buộc về tư tưởng, điều kiện kinh tế, vị thế chính trị, học vấn.v.v... sẽ hình thành một hệ thống giao tiếp khác biệt so với người khác. Mỗi cộng đồng người, dưới ảnh hưởng của cùng một hệ tư tưởng, một hoàn cảnh kinh tế, một truyền thống văn hóa thường có những điểm chung trong hoạt động giao tiếp. Với cách hiểu như vậy, hoạt động giao tiếp trong bất cứ điều kiện xã hội, lịch sử nào cũng mang dấu ấn của giai cấp, tầng lớp truyền thống văn hóa nhất định. Mỗi cá nhân hoạt động trong những lĩnh vực hoạt động khác nhau điều kiện hoạt động và những yêu cầu của nghề nghiệp đặt ra cho mỗi cá nhân là cơ sở để hình thành những đặc điểm giao tiếp mang tính nghề nghiệp.

Hoạt động giao tiếp còn mang đậm sắc thái tâm lý của chủ thể. Những yếu tố về khí chất, vốn sống, thói quen lứa tuổi, giới tính và những nét tính cách của mỗi người tạo nên sự phong phú riêng biệt trong giao tiếp giữa người này với người khác.

Đã nói tới giao tiếp là nói tới một hoạt động xảy ra giữa người này với người khác trong một quan hệ xã hội nhất định. Chúng ta có thể kể tới một số mối quan hệ xã hội

thường thấy, trong đó diễn ra các hoạt động giao tiếp, đó là: Mỗi quan hệ huyết thống giữa những người trong một dòng họ, một gia đình; Mỗi quan hệ thứ bậc giữa cấp trên và cấp dưới, giữa người điều khiển và người bị điều khiển; Mỗi quan hệ công dân, đây là mối quan hệ rộng nhất biểu hiện sự bình đẳng về trách nhiệm và quyền lợi của mọi cá nhân trong cộng đồng trước những chuẩn mực đạo đức, pháp luật. Mỗi quan hệ huyết thống chứa đựng những yếu tố trên dưới của quan hệ thứ bậc và bản thân mỗi quan hệ thứ bậc cũng chứa đựng những yếu tố của quan hệ công dân và huyết thống. Hoạt động giao tiếp người diễn ra trong sự vận động của những mối quan hệ nêu trên bên cạnh các mối quan hệ về giai cấp, truyền thống, văn hóa và cả những quan hệ giữa người và tự nhiên. Tùy thuộc vào sự có mặt của chủ thể ở một trong các mối quan hệ nêu trên mà đặc điểm của hoạt động giao tiếp sẽ nhuộm màu sắc của mối quan hệ đó.

Hoạt động giao tiếp được thực hiện trong những không gian và thời gian xác định. Tùy thuộc vào mục đích, tính chất hoạt động, cá tính và nhu cầu của mỗi cá nhân mà khoảng không gian và thời gian tiêu phí cho giao tiếp có thể rộng hẹp, dài ngắn khác nhau. Hoạt động giao tiếp diễn ra hàng ngày, trong những điều kiện bình thường của đời sống (chào hỏi, trao đổi công việc, giao nhận nhiệm vụ, v.v...) song cũng rất thường gặp những trường hợp các mối quan hệ giao tiếp diễn ra trong những tình huống có vấn đề, đòi hỏi tính nhạy cảm và khả năng định hướng khi giải quyết các mối quan hệ đó của chủ thể. Trong những hoàn cảnh như vậy, tính chất của quan hệ giao tiếp được biểu hiện thông qua năng lực ứng xử của mỗi cá nhân. Điều mà chúng tôi sẽ đề cập một cách có hệ thống ở những phần tiếp theo.

Hoạt động giao tiếp diễn ra dưới bất kỳ dạng nào đều bao gồm trong đó có sự tham gia của các chủ thể giao tiếp trên các mặt: Sinh học (tâm vóc, dáng người, khuôn mặt, khí chất, v.v...); Tâm lý (tính cách, ngôn ngữ, hành vi hoạt động, v.v.. Xã hội (kinh nghiệm sống, vốn tri thức, khả năng biểu cảm, năng lực nhận biết đối tượng và dự đoán kết quả v v).

Có thể nói hoạt động giao tiếp biểu hiện quan hệ trực tiếp giữa người - người, là sự thể hiện trực diện giữa các nhân cách, nó là sự cụ thể hóa các quan hệ xã hội (trong đó các mối quan hệ xã hội được hiểu là các quan hệ bên ngoài, giữa người với người thông qua thể chế, luật định,...), là quá trình chuyển các quan hệ xã hội vào các chủ thể giao tiếp hoạt động. Giao tiếp không đơn thuần là sự thỏa mãn các nhu cầu cá nhân mà còn là quá trình giúp cho mỗi chủ thể giao tiếp nhận biết mình, kiểm nghiệm được kinh nghiệm của bản thân để thay đổi, hoặc bổ sung trong những điều kiện tương tự. Nói một cách khác, giao tiếp tạo ra những ảnh hưởng và tác động qua lại giữa các chủ thể giao tiếp cả về mặt tâm lý và về mặt giáo dục với sự hình thành, biến đổi các phẩm chất nhân cách của cá nhân. Đặc trưng giáo dục của hoạt động giao tiếp có mặt thường xuyên trong quá trình giao tiếp và những gì chủ thể rút ra được sau giao tiếp sẽ giúp mỗi chủ thể tích lũy được tri thức, kỹ năng tồn tại trong cộng đồng thông qua nhận biết đối tượng và tự nhận biết mình, thông qua hiệu quả đạt tới của quá trình giao tiếp.

## II. KHÁI NIỆM VỀ ỨNG XỬ

Con người muốn tồn tại, trước hết phải dựa vào bản chất tự nhiên nhờ sự tiến hóa của thế giới vật chất, vì thế nó chịu sự chi phối của tự nhiên và cũng đồng thời tác động lại tự nhiên nhờ những phản ứng của cơ thể. K. Marx nói: "Giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người... con người sống dựa vào tự nhiên. Như thế nghĩa là, tự nhiên là thân thể của con người, để khỏi chết, con người phải ở trong quá trình giao dịch thường xuyên với thân thể đó"<sup>(1)</sup>. Những phản ứng đáp lại đối với tự nhiên (theo nghĩa là thế giới vật chất bao quanh mỗi người và theo nghĩa là những con người khác, những mối quan hệ khác, kể cả những sản phẩm do con người tạo ra) theo cách này hay cách khác có thể coi là ứng xử.

Ứng xử có thể hiểu theo nghĩa hẹp đối với giới động vật, bao gồm tất cả những phản ứng thích nghi của một cơ thể có hệ thống thần kinh thực hiện nhằm đáp trả lại những kích thích ngoại giới trong đó đang tồn tại cơ chế sống. Những phản ứng của chủ thể (cơ chế sống) và những kích thích ngoại giới là có thể quan sát được<sup>1</sup>

Ứng xử của một sinh vật bao gồm phản ứng của cả giống và cho mỗi cá thể và những phản ứng ấy diễn ra tương đối ổn định. Theo tính chất ấy, Edclaparide - nhà tâm lý học Thụy Sĩ còn gọi ứng xử là xử sự (conduite).

Ứng xử trong xã hội được hiểu là cách hành động của các vai trò xã hội nào đó trước một chủ thể xã hội khác cũng có một vị trí xã hội. Như vậy ứng xử xã hội trước tiên là cách hành động của các vai trò xã hội với nhau và sau nữa là cách hành động của chủ thể đối với chính bản thân mình, với đồ vật, với môi trường tự nhiên. Quan hệ xã hội, như ta thấy, phản ánh sự ràng buộc giữa các cá nhân với nhau, giữa cá nhân với các nhóm người và giữa các cộng đồng trong xã hội. Khái niệm quan hệ xã hội trên thực tế là một khái niệm trừu tượng, song nó lại luôn luôn là một hiện tượng vật chất hữu hình, bởi nói tới quan hệ xã hội là nói tới các hoạt động cụ thể (kẻ bán - người mua trong thương trường; chăm sóc, thương yêu nhau trong gia đình; chém giết nhau trong chiến cuộc; chăm sóc cây con trong tôn tạo cảnh quan môi trường; trang điểm ăn mặc trong sinh hoạt cá nhân, v.v...).

Ứng xử ở người tồn tại một số yếu tố gắn bó với nhau thứ nhất, chủ thể ứng xử luôn luôn có ý thức về việc mình làm trên cơ sở của những kinh nghiệm đã có. Nói một cách khác, chủ thể cảm thấy, nhận thấy, hiểu mình đang đứng trước tình huống nào để tổ chức hoạt động đáp lại tình huống đó. Thứ hai là tính xuất ngoại của chủ thể, nghĩa là trong ứng xử, những suy nghĩ của chủ thể luôn được biểu thị ra bên ngoài (hành động, cử chỉ, ngôn ngữ, sắc thái tình cảm.v.v....) đối tác và những người xung quanh có thể quan sát, nhận biết được. Thứ ba là ứng xử được diễn ra trong những không gian và thời gian xác định, môi trường ứng xử rất đa dạng, phong phú, trong đó

---

1 K.Marx. *Bản thảo kinh tế triết học năm 1844*. NXB Sự thật. Hà Nội - 1962. tr.92.

tồn tại những con người, những vật thể, cảnh quan gắn gũi với chủ thể. Trong đời sống cá nhân, một hoạt động ứng xử nào đó được cá nhân thực hiện thường xuyên đối với những tình huống cùng loại, khi đó ta nói ở cá nhân ấy có một tập quán cá nhân. Tương tự như vậy về cách tạo lập, nếu nhiều cá nhân trong một xã hội thường xuyên lặp lại ứng xử một cách tương đối như nhau và diễn ra trong một thời gian dài của lịch sử, khi đó ta có một tập quán xã hội. Và cũng như vậy, nếu tại nhiều thời điểm của lịch sử, ở nhiều xã hội khác nhau, một tập quán xã hội được lặp đi lặp lại tương đối như nhau, ta có một phong tục xã hội.

Dù cho hoàn cảnh và các mối quan hệ là rất khác biệt, song ứng xử của mỗi người không diễn ra một cách tùy tiện mà thường tuân theo một cách nào đó. Ứng xử theo cách này hay cách khác bị chi phối bởi điều kiện sinh học của mỗi cá nhân, của gia đình và của những nhóm người trong xã hội. Cũng cần phải nhận biết rằng, mỗi gia đình, mỗi cộng đồng người, để tồn tại và thích ứng với xã hội đều có những quy định riêng về ứng xử. Việc thực hiện những chuẩn mực có giới hạn này diễn ra nhiều lần trở thành nếp ứng xử. Chỉ khi nào việc thi hành những nếp ứng xử này trở nên quen thuộc đối với cá nhân khi đó tập quán ứng xử mới xuất hiện.

Trong hiện thực của xã hội, dưới ảnh hưởng của điều kiện vật chất (mức độ sở hữu tư liệu, của cải; khả năng tiếp nhận và phân chia thành phẩm lao động, v.v...) và đời sống tinh thần (truyền thống, văn hóa, tư tưởng, tập tục, tôn giáo, v.v...) chúng ta đều có một cảm nhận chung rằng sự phân chia đẳng cấp, giai cấp và những nhóm sắc tộc đã sản sinh ra những con người có một số nét tương đồng về suy nghĩ, hành động theo những mực thước được cả xã hội coi là giá trị và được thừa nhận. Những mực thước đó giúp mỗi cá nhân có được một định hướng riêng trong ứng xử phù hợp với cộng đồng, dân tộc mà mình đang tồn tại và được gọi là khuôn mẫu ứng xử.

Một ứng xử có thể trở thành khuôn mẫu khi nó được lặp lại thường xuyên bởi nhiều cá nhân trong một cộng đồng bởi những lý do sau đây: Trước hết, cho dù mỗi cá nhân có nhu cầu về tinh thần vật chất khác nhau, có những cách thức thỏa mãn nhu cầu của bản thân theo bản năng của riêng mình, song giữa họ vẫn có những mối liên kết hoặc tự giác, hoặc tự phát nhằm bảo tồn vị trí xã hội của mỗi cá nhân. Chẳng hạn, ứng xử giữa con cái với cha mẹ, mặc dù ngôn từ có thể diễn đạt khác nhau ở mỗi cộng đồng: bố, mẹ, thầy, u, cậu, mợ, song cái chung nhất trong ngôn ngữ ứng xử giữa con cái với bố mẹ ở mọi thời đại vẫn ẩn giấu sau nó đó là sự tôn kính và thương yêu. Mặt khác, nhờ có hệ thống di sản trong sự phát triển của cá nhân, những thế hệ sau luôn luôn được thừa hưởng những khuôn mẫu ứng xử vốn có do các thế hệ đi trước truyền lại, đó là những ứng xử đã được tổng quát hóa, tiêu chuẩn hóa và hợp thức hóa dùng làm chuẩn mực để phân biệt những gì có thể chấp nhận được và những gì không thể chấp nhận được<sup>(1)</sup>. Như vậy, một khi khuôn mẫu ứng xử về một phạm vi nào đó trong

---

(1) Joseph H.Fichter. *Xã hội học* (Trần Văn Đĩnh dịch). NXB Hiện đại thư xã, Sài Gòn - 1973, tr.105)

đời sống xã hội được hình thành, nó không còn là cái riêng, cái cụ thể trong mỗi cá nhân mà đã được khách thể hóa và được coi như một hệ thống tiêu chí giúp mọi người lấy đó làm thước đo cho các mối quan hệ xã hội của bản thân mình. Chính vì lẽ đó, đôi khi người ta còn gọi khuôn mẫu ứng xử là những khuôn mẫu văn hóa bởi tính khách thể hóa những tri thức tiềm ẩn trong khuôn mẫu ứng xử.

Trong xã hội có bao nhiêu mối quan hệ thì có bấy nhiêu ứng xử và thậm chí số lượng ứng xử còn lớn hơn nhiều lần số lượng các mối quan hệ xã hội, song một ứng xử chỉ trở thành khuôn mẫu văn hóa (theo Đoàn Văn Chúc, tác giả cuốn Xã hội hóa văn hoá) khi nó thỏa mãn 4 yếu tố sau đây: "a/ ứng xử thường xuyên được lặp đi lặp lại, tức là tính thời gian của ứng xử; bị ứng xử được lặp lại tương đối theo cùng một cách bởi nhiều người, tức là tính không gian của ứng xử; c/ ứng xử ấy có tác dụng chỉ nam, mẫu mực, hay quy tắc cho các thành viên của một nhóm hay của một xã hội; d/ ứng xử ấy chứa đựng một ý nghĩa xã hội nào đó, tức là nó biểu thị kiến thức tư tưởng hoặc tình cảm mà chủ thể đã đạt được nói một cách khác, nó là cái mang vác một giá trị (kinh tế, chính trị, luân lý hay thẩm mỹ) <sup>(1)</sup>.

Có thể nói, hệ thống khuôn mẫu ứng xử với tính cách là một khuôn mẫu văn hóa chính là những quy chuẩn đảm bảo cho các mối quan hệ xã hội được bền vững trong những nhóm xã hội khác nhau, là cơ sở xã hội cho việc xem xét các thể loại và hoạt động ứng xử. Khuôn mẫu ứng xử sở dĩ có được khả năng thu phục sự chấp nhận của số đông người trong các nhóm xã hội chính bởi nó đã được tổng quát hóa từ các ứng xử của mỗi cá nhân rồi thông qua tuyển chọn để điều chỉnh, bổ sung, tạo nên những quy chuẩn và cùng với nó là từng bước hợp thức hóa những quy chuẩn trong mỗi khuôn mẫu ứng xử bằng các biện pháp cưỡng bức (luật định, quy chế, nội quy trong cơ quan nhà nước, hương ước, gia phong trong làng bản và gia đình), hoặc khuyến khích cổ vũ sự tự ý thức của mỗi cá nhân khi họ thực hiện các quan hệ ứng xử.

Cơ sở đầu tiên của sự tuyển chọn, bổ sung để tạo lập các hệ thống ứng xử xã hội được bắt nguồn từ những ứng xử thường nhật của mỗi cá nhân, song những ứng xử này lại được xuất hiện với sự chi phối của trình độ sản xuất vật chất và những mối quan hệ sở hữu vật chất (còn được gọi chung là phương thức sản xuất xã hội); K.Marx đã chỉ ra cho chúng ta thấy rõ điều đó, ông viết: "Sự sản xuất những tư tưởng, biểu tượng và ý thức trước hết là gắn liền trực tiếp và mật thiết với vật chất và trao đổi vật chất của người ta, nó là tiếng nói của cuộc sống thực tế. Cả ở đây nữa, người ta cũng thấy rõ rằng biểu tượng, tư tưởng, sự trao đổi tinh thần của người ta đều là sản vật trực tiếp của quan hệ vật chất của họ"<sup>(2)</sup>. phương thức sản xuất không tự nhiên mà có, nó xuất hiện trong quá trình con người tồn tại và phát triển, được tổ chức và chỉ đạo của nhóm người nắm quyền thống trị xã hội. Nhóm người này trong mỗi thời điểm của lịch sử trong một chừng mực nhất định là đại diện cho toàn xã hội, có khả năng đáp ứng một số nhu cầu cơ bản của số đông trong xã hội (chí ít là trong những giai đoạn đầu và

---

(1) *Xã hội hóa văn hóa*. Đoàn Văn Chúc. NXB Văn hóa Thông tin, Hà Nội - 1997. tr.66

(2) K. Marx. *Hệ tư tưởng Đức* (Bản dịch tiếng Việt). NXB Sự thật, Hà Nội – 1968, tr. 17.



thời kỳ hưng thịnh của mỗi cuộc cách mạng xã hội), vì thế, mỗi ứng xử của cá nhân một mặt mang đậm ảnh cá thể, mặt khác dưới ảnh hưởng của hệ thống tư tưởng do giai cấp điều hành xã hội chi phối, những ứng xử này trên thực tế vẫn chịu sự điều phối của những khuôn mẫu ứng xử đại diện cho giai cấp nắm quyền chỉ đạo phương thức sản xuất. K.Marx cũng đã từng nhận xét: "Những tư tưởng của giai cấp thống trị là những tư tưởng thống trị trong mỗi thời đại, nói cách khác, giai cấp nào đang là lực lượng vật chất chiếm địa vị thống trị trong xã hội thì cũng là lực lượng tinh thần chiếm địa vị thống trị. Giai cấp nào chi phối những tư liệu sản xuất vật chất thì đồng thời cũng chi phối luôn cả lực lượng sản xuất, tinh thần nói chung bị giai cấp thống trị chi phối"<sup>(1)</sup>. Hiểu theo tư tưởng của K.Marx, điều đó có nghĩa là, ứng xử của mỗi cá nhân luôn luôn là sự đan xen giữa chủ thể với đẳng cấp, giai cấp mà mình đang tồn tại và cũng đồng thời là sự tuân thủ những khuôn mẫu ứng xử đã được chọn lọc có hiệu ứng chung đối với toàn xã hội, chịu sự chi phối của giai cấp nắm quyền thống trị xã hội.

Logic của sự lý giải đưa chúng ta tới một nhận định rằng, khuôn mẫu ứng xử không phải là bất biến, nó thay đổi theo dòng chảy của lịch sử, rằng mỗi thời đại kế tiếp nhau luôn luôn tồn tại một hệ thống khuôn mẫu ứng xử vừa là sự kế thừa những di sản ứng xử của thời đại trước đó, vừa là sự nảy sinh, bổ sung, hoàn thiện những khuôn mẫu ứng xử tương ứng với những phương thức sản xuất mới, quan điểm tư tưởng chính trị mới. Nếu như trong một nhóm xã hội (một ngành nghề, một giai cấp, v.v...) cùng với sự thay đổi về cơ cấu và điều kiện vật chất, tinh thần luôn kéo theo nó sự thay đổi về các chuẩn mực ứng xử thì trong một xã hội, với tư cách là người đại diện cho một cộng đồng, giai cấp thống trị cũng dựa trên mô hình xã hội đảm bảo cho nó tồn tại để thiết kế và chỉ đạo thực hiện những khuôn mẫu ứng xử tương ứng.

### III. KHÁI NIỆM VỀ ỨNG XỬ SỰ PHẠM

Ứng xử sự phạm (UXSP) là một dạng hoạt động giao tiếp giữa những người làm công tác giáo dục và được giáo dục trong nhà trường nhằm giải quyết các tình huống nảy sinh trong hoạt động giáo dục và giáo dưỡng.

Như vậy UXSP được thực hiện bởi những nhân cách (nhân cách giáo viên và nhân cách học sinh). Thầy và trò là những con người cụ thể, ở những vị trí xã hội khác nhau, có trách nhiệm quyền hạn và lợi ích xác định, đồng thời ở mỗi người trong họ có một hoàn cảnh về gia đình, đời sống tâm lý và những mối quan hệ riêng biệt. Tuy vậy, giữa những cá nhân này có một điểm chung trong hoạt động là đều nhằm đạt tới mục đích giáo dục tổng thể trong việc hình thành nhân cách con người mới XHCN Việt Nam, các hoạt động của họ đều diễn ra trong môi trường sự phạm với những đặc trưng vốn có của nó như quan hệ thầy trò, cảnh quan trường lớp, thời gian học tập, vui chơi, v.v...

Các ứng xử sự phạm được thực hiện chủ yếu trong các quan hệ qua lại giữa người

---

(1) K.Marx, sách đã dẫn, tr.47

làm công tác giáo dục và học sinh hoặc tập thể học sinh, chịu sự quy định và điều tiết của những chuẩn mực xã hội, quy chế, nội quy của các thể chế và cơ quan giáo dục ấn định cho mỗi vị trí xã hội mà giáo viên hoặc học sinh có trách nhiệm thi hành; Trình độ nhận thức, kinh nghiệm và hệ thống tri thức, kỹ năng cần cho mục đích và nội dung ứng xử; Thái độ giữa chủ thể và đối tượng ứng xử.

Hoạt động ứng xử có được là nhờ ở sự xuất hiện những tình huống trong hoạt động giáo dục. Giao tiếp sư phạm và UXSP đều nhằm đạt tới mục đích nào đó về giáo dục, song cái khác trong UXSP chính là thái độ mang màu sắc cá nhân và các thủ thuật biểu hiện thái độ đó qua từng cử chỉ, lời nói, sắc mặt, v.v... của các chủ thể tham gia ứng xử. Tác giả Ngô Công Hoàn đã nhận định rất hợp lý rằng: "khi sử dụng khái niệm giao tiếp, là muốn định hướng vào mục tiêu công việc (nhằm vào đích đặt trước), còn ứng xử muốn định hướng chính nào nội dung tâm lý, cái "bản chất xã hội" của cá nhân của hành vi giao tiếp"<sup>(1)</sup>.

### **1. Chức năng của ứng xử sư phạm**

Nói tới chức năng của ứng xử sư phạm là nói tới vai trò đặc trưng của nó trong sự hình thành nhân cách cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục. Chức năng của UXSP được xác định trên mục đích giáo dục tổng thể và mục tiêu cấp học. Những định hướng lớn này bao trùm lên tất cả hoạt động giáo dục, chỉ phối việc xác định những chức năng của những hoạt động giáo dục và giáo dưỡng khác. Hoạt động ứng xử có mặt trong tất cả các hoạt động giáo dục, vì thế chức năng của ứng xử còn có cơ sở từ tính chất riêng biệt của hoạt động này. Dưới đây chúng ta sẽ xem xét một số chức năng cơ bản của hoạt động UXSP.

#### ***1.1. Chức năng thông tin của ứng xử sư phạm***

Hoạt động ứng xử về bản chất là một hoạt động giao tiếp xã hội thông qua các phương tiện giao tiếp vật chất và phi vật chất và nhờ có những phương tiện này (ngôn ngữ, vật thể, nhân cách của các cá nhân tham gia giao tiếp) mà con người có được những mối quan hệ mang tính xã hội. Sự hiểu biết lẫn nhau giữa các cá nhân được thực hiện nhờ các kênh thông tin chứa đựng trong các phương tiện giao tiếp. Ứng xử sư phạm là một dạng giao tiếp xã hội diễn ra giữa 2 nhóm xã hội: Giáo viên và học sinh. Thầy và trò có thể hiểu biết thấu đáo nhau hơn nhờ các thông tin phát ra trong quá trình ứng xử (trước, trong và sau quá trình ứng xử). Những thông tin có trong ứng xử giúp cho giáo viên nhận biết được tính cách, nhu cầu, sở thích năng lực chỗ mạnh, chỗ yếu của học sinh, của những nhóm xã hội mà học sinh tham gia, đồng thời cũng tự nhận biết năng lực và nghệ thuật sư phạm của bản thân mình. Về phía học sinh, cũng chính trong quá trình ứng xử các em tiếp nhận được nhiều hơn hệ thống tri thức về cuộc sống, cung cách đối nhân xử thế, hiểu rõ vị thế của mình trong tập thể quyền lợi và trách nhiệm của bản thân trước cộng đồng, biết được tính cách của thầy nhờ sự biểu

---

(1) Ngô Công Hoàn. *Giao tiếp và ứng xử sư phạm*. NXB ĐHQG, HN – 1997, tr.12.